

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**LƯU THỊ BÍCH NGỌC**

**GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ  
Ở TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 1: **TS. Ninh Thị Thu Thủy**

Phản biện 2: **TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 12 năm 2011

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Lao động và việc làm là hoạt động quan trọng nhất của con người, nhằm tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định: “Trên cơ sở đầu tư phát triển kinh tế, phải hết sức quan tâm đến yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm, đặc biệt là cho nông dân”.

Tuy nhiên, vấn đề việc làm cho lao động nói chung, lao động nữ nói riêng vẫn đang là vấn đề bức xúc. Vì vậy, cần phải phát triển và tăng trưởng kinh tế trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng thế mạnh của các địa phương, động viên, hướng dẫn và tạo điều kiện cho nhân dân phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất ngày càng dồi dào và thu nhập ngày càng cao.

Xác định được thực trạng, tìm ra nguyên nhân, từ đó đề ra biện pháp hữu hiệu, có tính khả thi để giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam là nhiệm vụ rất quan trọng, nóng bỏng và ý nghĩa thực tiễn hiện nay ở địa phương.

Với cách tiếp cận vấn đề như vậy, đề tài được thực hiện bằng phương pháp điều tra nghiên cứu thực tế, kết hợp với phân tích tổng hợp từ các báo cáo của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh, ngoài ra còn kế thừa có chọn lọc một số công trình nghiên cứu khoa học khác.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở nước ta vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động nói chung, giải quyết việc làm cho lao động nữ nói riêng được nhiều nhà kinh tế học quan tâm nghiên cứu. Một số công trình nghiên cứu của các tác giả đã được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành. Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã có một đề tài nghiên cứu nhằm đề ra các giải pháp góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Những công trình nghiên cứu có liên quan

đến đề tài tuy phong phú, đa dạng nhưng chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về đề tài “*Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*”. Xuất phát từ yêu cầu thực tế đó, là người trực tiếp tham gia công tác trong Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh bản thân lựa chọn đề tài này để đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế của địa phương, góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn trong công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ, góp phần để phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Quảng Nam.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Hệ thống cơ sở lý luận về lao động và việc làm

Đánh giá được tình hình giải quyết việc làm của lao động nữ ở tỉnh Quảng Nam

Đưa ra được giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nữ

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là việc làm lao động nữ;

Phạm vi nghiên cứu: địa bàn tỉnh Quảng Nam

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi trọng phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, thống kê, hệ thống, kết hợp với phương pháp điều tra, khảo sát thực tiễn và kinh nghiệm về vấn đề giải quyết việc làm để phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Quảng Nam.

### **6. Điểm mới của đề tài**

Góp phần hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về việc làm, giải quyết việc làm cho lao động nữ và vai trò của việc làm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình hiện nay.

Phân tích thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nữ ở tỉnh Quảng Nam.

Đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết việc làm cho lao động nữ để phát huy tiềm năng to lớn của phụ nữ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Quảng Nam.

## **7. Nội dung của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giải quyết việc làm cho lao động nữ

Chương 2: Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nữ ở tỉnh Quảng Nam

Chương 3: Những giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nữ ở tỉnh Quảng Nam

## **Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ**

### **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LAO ĐỘNG**

#### **1.1.1. Khái niệm về lao động**

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người tác động vào thế giới tự nhiên nhằm cải tạo tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu, đồng thời cải tạo cả bản thân con người. Chính vì vậy Ph.Ăngghen đã viết: “Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người”. Như vậy, lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước.

#### **1.1.2. Đặc điểm của lao động nữ**

Phụ nữ là một lực lượng lao động quan trọng trong lực lượng lao động xã hội. Cùng với nam giới, phụ nữ cũng đóng vai trò hết sức quan

trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Phụ nữ đã có mặt trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Tuy nhiên, có sự khác biệt về đặc điểm tâm sinh lý giữa lao động nam và lao động nữ nên đối với lao động nữ, khi đề cập, chúng ta phải xem xét đến các đặc thù cơ bản là:

#### **1.1.2.1 Xét về phương diện giới tính**

Phụ nữ thường hạn chế về thể lực so với nam giới và có thiên chức mang thai, sinh con, nuôi con: Trong điều kiện kinh tế thị trường, vấn đề này luôn được coi là "*hạn chế của phụ nữ*" với tư cách người đi tìm việc.

#### **1.1.2.2 Xét trên phương diện giới**

So với nam giới, điều kiện sinh hoạt của lao động nữ thường phức tạp hơn. Cũng do nhiều nguyên nhân chi phối, lao động nữ thường có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn thấp hơn lao động nam. Hiện nay, lao động nữ chưa qua đào tạo nghề còn chiếm tỷ lệ cao, nhất là ở vùng nông thôn. Bên cạnh đó, tính rụt rè, kém tự tin vào chính bản thân mình đang là những trở ngại dẫn đến khó tìm kiếm việc làm trên thị trường lao động.

### **1.1.3 Lao động không có việc làm – thất nghiệp và phân loại**

**Thất nghiệp** là tình trạng tồn tại khi một số người trong lực lượng lao động muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức tiền công đang thịnh hành.

**Người thất nghiệp** là người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động nhưng chưa có việc làm, có nhu cầu tìm việc làm và đăng ký tìm việc.

#### **Phân loại thất nghiệp**

- Theo nhóm dân cư gồm: thất nghiệp chia theo giới tính, thất nghiệp chia theo vùng lãnh thổ, thất nghiệp chia theo dân tộc, chủng tộc, thất nghiệp chia theo lứa tuổi.

- Theo lý do thất nghiệp, gồm: mất việc, bỏ việc, nhập mới, tái nhập.

- Theo nguồn gốc thất nghiệp: thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp do cơ cấu, thất nghiệp chu kỳ, thất nghiệp do yếu tố ngoài môi trường

- Theo quan hệ cung cầu lao động: thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện.

## 1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

### 1.2.1. Việc làm và phân loại việc làm ở Việt Nam

#### a. Việc làm

Ở Việt Nam, quan niệm về việc làm đã được cụ thể hóa tại điều 13, chương II của Bộ luật Lao động, như sau: “Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập, không bị pháp luật cấm, đều được thừa nhận là việc làm”. Như vậy, một việc làm phải hội đủ 3 yếu tố: là hoạt động lao động của con người; hoạt động tạo ra thu nhập (kể cả công việc được trả công hay không được trả công); không bị pháp luật ngăn cấm.

#### b. Vai trò của việc làm

Việc làm là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá sự phát triển kinh tế, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, không thể thiếu đối với từng cá nhân và toàn bộ nền kinh tế, là vấn đề cốt lõi và xuyên suốt trong các hoạt động kinh tế, có mối quan hệ mật thiết với kinh tế và xã hội, chi phối toàn bộ mọi hoạt động của cá nhân và xã hội.

#### c. Phân loại việc làm

\* Căn cứ vào nguồn gốc thu nhập, có thể chia thành: làm những công việc để nhận thu nhập bằng tiền công, tiền lương; làm những công việc thu lợi nhuận cho bản thân người lao động; làm các công việc do chính hộ gia đình mình.

\* Căn cứ vào phân bổ thời gian và thu nhập, phân ra: việc làm chính, việc làm phụ, việc làm ổn định, việc làm tạm thời.

\* Căn cứ vào số giờ làm việc trong ngày, phân ra: việc làm đầy đủ, thiếu việc làm;

### **1.2.2. Nội dung giải quyết việc làm**

- Đánh giá tình hình việc làm cho lao động của địa phương trong từng thời kỳ bao gồm: Số lượng lao động và chất lượng lao động; số việc làm mà các doanh nghiệp cung ứng trong nền kinh tế; số lao động chưa có việc làm hay nhu cầu việc làm.

- Thực thi các chính sách giải quyết việc làm như: chính sách hỗ trợ vốn để tạo việc làm cho lao động nữ; chính sách xuất khẩu lao động cho lao động nữ; chính sách đào tạo nghề cho lao động nữ; chính sách phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn...

### **1.2.3. Tiêu chí giải quyết việc làm cho lao động**

Giải quyết việc làm được phản ánh qua các tiêu chí sau đây:

- Tổng số lực lượng lao động nữ;
- Cơ cấu lao động nữ theo thành thị nông thôn, trình độ học vấn và chuyên môn;
- Tổng số và sự gia tăng việc làm được giải quyết cho lao động nữ trong nền kinh tế;
- Cơ cấu việc làm được giải quyết cho lao động nữ trong nền kinh tế

## **1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ**

### **1.3.1. Những nhân tố về điều kiện tự nhiên**

Điều kiện tự nhiên là cơ sở quan trọng ban đầu cho phát triển sản xuất. Nhiệm vụ của mỗi địa phương là phát huy mặt thuận, hạn chế mặt không thuận của điều kiện tự nhiên chi phối nền sản xuất, trên cơ sở đó hoạch định chính sách phát triển đúng đắn, bền vững nhằm mục tiêu quan trọng là phát triển con người - chủ thể và động lực chủ yếu của nền sản xuất và mọi hoạt động xã hội.

### **1.3.2. Những nhân tố thuộc về con người**

#### **1.3.2.1. Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật**

Giáo dục - đào tạo đóng vai trò quan trọng đối với vị trí và triển



vọng tương lai của việc làm cho lao động nói chung và lao động nói riêng. Đảng ta đã khẳng định: “Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Phải coi trọng cả ba mặt: mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả”.

Giáo dục tạo ra lực lượng lao động có trình độ, có kỹ năng làm việc với năng suất cao là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

### ***1.3.2.2 Sức khỏe***

Sức khỏe là yếu tố rất quan trọng đối với người lao động nói chung, lao động nữ nói riêng, không chỉ tạo ra khả năng làm việc, tăng thu nhập, mà còn góp phần cải thiện cuộc sống. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của lao động nữ, từ điều kiện chăm sóc, nghỉ ngơi, vấn đề sức khỏe sinh sản, chế độ dinh dưỡng trong gia đình, đến những điều kiện làm việc và môi trường sinh sống, nếu được cải thiện tốt sẽ có tác động tích cực đến quá trình lao động, cống hiến của lao động nữ.

## **1.3.3. Những nhân tố thuộc xã hội**

### ***1.3.3.1. Ảnh hưởng của tâm lý xã hội***

So với nam giới, điều kiện sinh hoạt của lao động nữ thường phức tạp hơn. Cũng do nhiều nguyên nhân khác chi phối, lao động nữ thường có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn thấp hơn lao động nam. Bên cạnh đó, tính rụt rè, kém tự tin vào chính bản thân mình đang là những trở ngại dẫn đến phụ nữ khó tìm kiếm được việc làm trên thị trường lao động.

### ***1.3.3.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về giải quyết việc làm***

Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối thiết thực, hiệu quả nhằm phát huy tối đa nội lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nhiều việc làm cho người lao động, giảm

tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn.

#### 1.4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ

##### 1.4.1. Kinh nghiệm của thành phố Đà Nẵng

Những năm qua, Đà Nẵng đã phát triển mạnh ngành du lịch - dịch vụ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư về nông thôn để tạo mở nhiều việc làm mới cho người lao động, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về thành phố.

##### 1.4.2. Kinh nghiệm của tỉnh Bắc Ninh

Để giải quyết việc làm cho người lao động, Bắc Ninh đã từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên các ngành, các lĩnh vực cần ít vốn nhưng có khả năng thu hút nhiều lao động.

##### 1.4.3. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh, ban hành nhiều chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư cho miền núi, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và chế biến nông – lâm – thủy sản để giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

##### 1.4.4. Kinh nghiệm của tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển để tạo mở thêm nhiều việc làm cho người lao động.

## **Chương 2. THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TẠI QUẢNG NAM**

### **2.1. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT VIỆC CỦA LAO ĐỘNG NỮ**

#### **2.1.1. Lao động nữ**

##### **2.1.1.1 Quy mô lao động nữ**

Theo tổng điều tra ngày 1/4/2009, Quảng Nam có 825.859 người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động, chiếm 58,19% tổng dân số, bao gồm 798.274 người có việc làm và 27.585 người thất nghiệp. Trong tổng số lực lượng lao động của tỉnh, nữ chiếm tỷ trọng cao hơn nam giới, cơ cấu và qui mô dân số.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ thấp hơn nam ở tất cả các nhóm tuổi. Nguyên nhân là do thiên chức làm vợ, làm mẹ của phụ nữ đã hạn chế đến việc tham gia các hoạt động tạo ra thu nhập và tuổi nghỉ hưu của phụ nữ là 55 tuổi (trước nam giới 5 tuổi).

##### **2.1.1.2 Cơ cấu lao động**

###### **a- Cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi**

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đặc trưng theo tuổi và theo giới tính là một trong những số đo tin cậy về xu hướng thay đổi hoạt động kinh tế, có sự chênh lệch giữa nam và nữ.

###### **b- Cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn phổ thông**

Chất lượng lao động được hình thành thông qua nhiều tiêu chí, trong đó 2 tiêu chí thường được sử dụng là trình độ học vấn phổ thông và trình độ chuyên môn kỹ thuật. Hai tiêu chí này được hình thành trực tiếp thông qua hệ thống giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

Sự chênh lệch về trình độ của lực lượng lao động nữ giữa nông thôn và thành thị là vấn đề nan giải trong việc giải quyết việc làm cho lượng lao động lớn di cư từ khu vực nông thôn ra thành thị tìm việc hiện nay.

###### **c- Cơ cấu lao động nữ theo trình độ chuyên môn kỹ thuật**

Lao động nữ có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong lực lượng lao động nữ rất thấp, thấp hơn 2.18 điểm phần trăm so với bình quân chung của cả tỉnh.

**d- Cơ cấu việc làm giải quyết cho lao động nữ theo đơn vị hành chính và khu vực thành thị/nông thôn**

Tỷ trọng lao động nữ trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp và thủy sản còn chiếm rất cao trên 64,22%, cao hơn 2,66 điểm phần trăm so với mức bình quân chung của tỉnh; tỷ trọng lao động nữ trong ngành công nghiệp và xây dựng còn quá thấp, thấp hơn 5,43 điểm phần trăm so với mức bình quân chung của tỉnh. Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một chủ trương lớn của tỉnh.

**g- Cơ cấu việc làm của lao động nữ theo loại hình kinh tế**

Thời gian qua lao động nữ ở các khu vực kinh tế của tỉnh đã có bước chuyển dịch đúng hướng. Bình quân hàng năm tỉnh đã có chuyển dịch được 1,4% lao động từ khu vực nông, lâm, thủy sản sang các ngành khác. Đây là bước chuyển dịch đáng kể, song so với yêu cầu đặt ra thì vẫn còn chậm và chậm hơn mức bình quân chung của cả nước.

**2.1.2. Thực trạng việc làm được giải quyết cho lao động nữ**

Quảng Nam đã có nhiều biện pháp nhằm tạo việc làm cho lao động nữ như triển khai cho vay vốn giải quyết việc làm, đào tạo và chuyển đổi nghề cho người lao động... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nữ dễ tiếp cận thị trường lao động như tổ chức các mô hình liên kết sản xuất, phối hợp mở sàn giao dịch việc làm, phối hợp với các doanh nghiệp các lớp dạy nghề gắn với giải quyết việc làm nên việc giải quyết việc làm cho lao động nữ đã có tăng nhưng không đáng kể. Phụ nữ vẫn tập trung làm việc chủ yếu ở các nhóm nghề không đòi hỏi tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao; lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất thấp.

### **2.1.3. Tình hình thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động nữ ở Quảng Nam**

Quá trình đô thị hóa làm cho đất đai nông nghiệp bình quân đầu người ngày càng ít. Thiếu ruộng hoặc không có ruộng, không có tư liệu sản xuất và không tìm được việc làm, nhất là ở những tháng nông nhàn đang là một hiện tượng khá phổ biến ở Quảng Nam hiện nay. Trong khi đó, việc đầu tư cho phát triển ngành nghề, thực hiện công hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, tạo ra công ăn việc làm giải quyết nguồn lao động dư thừa còn rất hạn hẹp, còn nhiều bất hợp lý. Vì vậy, tình trạng thất nghiệp mùa vụ ở lao động nữ ngày càng tăng.

## **2.2 TÌNH HÌNH THỰC THI CÁC CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ**

### **2.2.1. Chính sách hỗ trợ vốn để tạo việc làm**

Trong thời gian qua, hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm được xem là một trong những giải pháp tạo việc làm có hiệu quả. Nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường, Nhà nước đã thực hiện vai trò "bà đỡ" thông qua việc ban hành các chính sách cho nhóm lao động yếu thế, như các chế độ ưu đãi đối với hộ nghèo, lao động là người tàn tật, các cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật, lao động là người dân tộc thiểu số, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ lao động dôi dư... góp phần hỗ trợ người lao động tạo việc làm, nhanh chóng ổn định cuộc sống.

### **2.2.2. Chính sách xuất khẩu lao động**

Để góp phần phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành "Đề án xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Nam từ 2005 đến 2010". Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng công tác xuất khẩu lao động bước đầu đã đem lại kết quả đáng khích lệ.

### **2.2.3. Chính sách dạy nghề**

Hệ thống dạy nghề trên địa bàn tỉnh được đầu tư, mở rộng về qui mô và nâng cao về chất lượng nhằm tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Những đối tượng là người có công cách mạng, người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, người tàn tật, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế sẽ được ưu tiên giải quyết học nghề và tạo việc làm. Có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích đầu tư của doanh nghiệp trong công tác đào tạo và sử dụng nhiều lao động nữ.

### **2.2.4. Chính sách phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn**

Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là ở nông thôn góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, thực hiện hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Tỉnh đã ban hành cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, cơ chế khuyến khích ưu đãi đầu tư và mở rộng sản xuất để giải quyết việc làm cho người lao động nói chung, đặc biệt là lao động nữ ở khu vực nông thôn trong thời gian nông nhàn.

## **2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ Ở QUẢNG NAM**

### **2.3.1. Điều kiện tự nhiên**

Quảng Nam là một tỉnh ven biển thuộc vùng phát triển kinh tế trọng điểm miền Trung, tuy nhiên do địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, phân bố dân số không đồng đều và có sự khác biệt lớn theo vùng, theo mô hình thưa dần từ đông sang tây, đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển kinh tế do đó cũng ảnh hưởng lớn tới giải quyết việc làm cho lao động nữ.

### **2.3.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm trên 12,8%, xét về mục tiêu, tỉnh đã đạt được những kết quả rất quan trọng, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội những năm tiếp theo, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, hệ số việc làm được tạo ra cho lao động nữ là không lớn, khi kinh tế Quảng Nam tăng trưởng 1% thì việc làm tạo ra cho lao động nữ chỉ tăng từ 0.11- 0.25% , nhỏ hơn rất nhiều hệ số chung.

### **2.3.3. Trình độ kỹ thuật và chính sách sử dụng lao động của doanh nghiệp**

Trong thời gian qua số doanh nghiệp trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, triển khai các hoạt động đầu tư có hiệu quả, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng thu ngân sách cho địa phương, tạo việc làm cho hàng vạn lao động. Tuy nhiên, hiện nay chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao còn chưa đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của nhà đầu tư; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh năm 2009 mới đạt khoảng 30%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước, công tác đào tạo nghề chưa theo sát yêu cầu thực tế, thiếu lao động có tay nghề cao, thiếu lao động quản lý có trình độ cao, bất hợp lý giữa cung – cầu lao động.

### **2.3.4. Hoạt động của hệ thống đào tạo và tư vấn nghề**

Hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh đã được mở rộng về qui mô, nâng cao về chất lượng. Hình thức đào tạo nghề đã có sự thay đổi tích cực: chuyển mạnh từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu của thị trường lao động. Qui mô tuyển sinh dạy nghề tăng nhanh

qua từng năm, tuy nhiên lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật còn chiếm tỷ trọng cao.

## 2.4. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ Ở TỈNH QUẢNG NAM

### 2.4.1. Thành tựu đạt được

Với những lợi thế so sánh, cơ chế chính sách thoáng mở sẽ là những thời cơ cho phát triển kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết các vấn đề xã hội như lao động, việc làm, xóa đói, giảm nghèo... nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao đã tác động tích cực đến vấn đề giải quyết việc làm. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, nhất là trong những năm gần đây đã thu hút nhiều lao động.

### 2.4.2. Những vấn đề đặt ra trong công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ

#### 2.4.2.1. Trình độ của lao động còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh, tình trạng thiếu việc làm của lao động nông thôn đang diễn ra khá phổ biến. Lao động vừa thiếu lại vừa thừa, thiếu lao động có trình độ, có tay nghề, nhưng lại thừa lao động giản đơn. Nguồn cung lao động tỉnh Quảng Nam vẫn mang đậm nét đặc thù của một nền kinh tế nông nghiệp và chất lượng thấp. Cung lao động cho thị trường lao động chủ yếu từ nông thôn và nông nghiệp, chủ yếu chưa qua đào tạo, do đó khả năng cạnh tranh không cao.

#### 2.4.2.2. Tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động đang diễn biến phức tạp.

Trên thị trường lao động, các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn trong tuyển dụng lao động, kể cả lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và lao động phổ thông. Nguyên nhân của tình trạng này



xuất phát từ nhiều phía. Về chất lượng cung lao động còn nhiều hạn chế: thể lực người lao động nữ còn yếu, tầm vóc ở mức trung bình thấp chưa đáp ứng được yêu cầu với cường độ công việc cao. Đa phần người lao động chưa có tác phong công nghiệp, ý thức, kỷ luật lao động chấp hành chưa nghiêm, việc làm không có tính bền vững, ổn định giữa doanh nghiệp và người lao động.

#### ***2.4.2.3 Việc tổ chức thực hiện các chương quốc gia giải quyết việc làm hiệu quả chưa cao***

Chương trình quốc gia giải quyết việc làm đóng vai trò quan trọng trong quá trình tạo việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, xuất khẩu lao động đạt thấp, chất lượng nguồn lao động xuất khẩu chưa đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng nghề và khả năng ngoại ngữ, ý thức chấp hành pháp luật và tuân thủ các điều khoản cam kết trong hợp đồng của người lao động còn rất thấp, nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm còn thấp, chưa tạo mở được việc làm mới.

### **Chương 3. NHỮNG GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TẠI QUẢNG NAM**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2012-2015**

##### **3.1.1. Một số định hướng cơ bản**

##### ***3.1.1.1 Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh***

Quan điểm phát triển của tỉnh: “Phát triển nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, nhất là ở vùng miền núi, vùng khó khăn. Coi phát triển nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng nhất để tạo động lực phát triển”.

Giải quyết việc làm cho lao động nữ sẽ có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, cũng như đảm bảo các vấn đề xã hội trên địa bàn tỉnh, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm khai thác hết tiềm năng về nguồn lực, thúc đẩy sự tăng trưởng của tỉnh, cũng như thúc đẩy bình đẳng giới và các mặt khác của đời sống xã hội.

##### ***3.1.1.2 Phải đảm bảo vừa phát huy được thế mạnh của lao động nữ, vừa giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động***

Chuyển dịch cơ cấu lao động góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ cung – cầu về lao động. Vấn đề đặt ra đối với Quảng Nam là phải nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực mà trước hết phải tăng nhanh lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động theo đúng hướng, vừa tập trung vào những ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kinh tế chiếm dụng nhiều lao động để vừa tạo đà cho nền kinh tế của tỉnh tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp nhưng lại thu hút được nhiều lao động, nhất là lao động nữ.

### ***3.1.1.3 Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên cơ sở pháp luật và đảm bảo thực hiện bình đẳng giới***

Trong thời gian đến cần quán triệt sâu, rộng các văn bản pháp luật về quyền của lao động nữ, nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nữ, cũng như đối với các chủ doanh nghiệp. Đồng thời, bản thân của lao động nữ phải có ý thức nỗ lực phấn đấu vươn lên, nâng cao kiến thức nghề nghiệp, nâng cao tay nghề, xóa bỏ tư tưởng tự ty, an phận, trông chờ. Cần có những chính sách cụ thể để khuyến khích người sử dụng lao động có quan tâm, giải quyết nhiều việc làm cho lao động nữ.

### **3.1.2. Mục tiêu giải quyết việc làm giai đoạn 2012-2015**

#### ***3.1.2.1. Mục tiêu chung***

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XX đã xác định: “Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động để đạt cơ cấu lao động hợp lý. Giảm tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở thành thị xuống còn dưới 4%, bằng mức trung bình của cả nước. Nâng cao trình độ tay nghề và tính chuyên nghiệp của người lao động. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư dạy nghề. Chú trọng công tác dạy nghề cho nông dân và phục vụ phát triển ngành nghề ở nông thôn. Phát huy hiệu quả các sàn giao dịch việc làm và các trung tâm giới thiệu việc làm. Xây dựng môi trường lao động thân thiện tại các doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động” .

#### ***3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể***

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XX đã xác định: chỉ tiêu giải quyết việc làm trong 5 năm trên 200.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 45%; tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp còn dưới 42%, tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trên 58%.

Nghị quyết Đại hội phụ nữ tỉnh lần thứ XII nêu: tỷ lệ lao động nữ trong tổng số chỉ tiêu tuyển sinh học nghề đạt 40%. Xây dựng cơ sở dạy nghề và giới thiệu việc làm của Hội Liên hiệp phụ nữ.

## 3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

### 3.2.1. Phát triển kinh tế để tạo việc làm

#### 3.2.1.1. *Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế để tạo nhiều việc làm mới*

Các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và bản thân người lao động cần tập trung chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động.

#### 3.2.1.2. *Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thu hút các doanh nghiệp chiếm dụng lao động về nông thôn*

##### **a. Đối với vùng đồng bằng ven biển**

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực đô thị sang hướng dịch vụ và công nghiệp để đưa các đô thị thực sự trở thành đầu tàu tăng trưởng, tạo động lực lan tỏa đến các vùng nông thôn lân cận. Phát triển kinh tế hạ tầng then chốt, hoàn thành qui hoạch vùng đông, phấn đấu mở rộng và lấp đầy các khu công nghiệp hiện có, đồng thời cần chú trọng phát triển hệ thống các khu du lịch ven biển, để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Vì đây là ngành kinh tế sử dụng nhiều lao động nữ.

##### **b- Đối với vùng trung du - miền núi**

Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm tăng khả năng cung cấp nguyên liệu cho các ngành dệt may, giày da. Duy trì và mở rộng các phân xưởng của ngành dệt may, giày dép lên miền núi, về vùng nông thôn vì những ngành này sử dụng nhiều lao động nữ.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề nhằm thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, thu hút, chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp.

### **c- Phát triển doanh nghiệp**

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, minh bạch các qui định liên quan đến điều kiện kinh doanh, hoàn thiện cơ chế một cửa liên thông trong đăng ký thành lập doanh nghiệp. Xây dựng kết cấu hạ tầng, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp chiếm dụng lao động đầu tư vào Quảng Nam.

#### ***3.2.1.3. Xã hội hóa vấn đề giải quyết việc làm***

Các cấp, các ngành, các đoàn thể, từng địa phương, gia đình và từng người phải tích cực, nỗ lực giải quyết, không trông chờ, ỷ lại. Cần ý thức sâu sắc để có cơ chế sử dụng sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ.

### **3.2.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho lao động nữ**

#### ***3.2.2.1. Đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng lực lượng lao động nữ trên địa bàn***

- Phải thực hiện đào tạo có mục tiêu và chất lượng, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực nữ để đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Tỉnh ủy, Nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh và các Đề án của Ủy ban nhân dân về phổ cập trung học cơ sở tiến tới phổ cập trung học phổ thông; Đề án đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, tăng cường đầu tư cho giáo dục miền núi.

- Chuẩn hóa về cơ sở vật chất kỹ thuật cho tất cả các loại hình trường, nhằm đảm bảo các điều kiện vật chất cơ bản thực hiện đổi mới quá trình dạy và học.

#### ***3.2.2.2. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nữ***

Chuyển đổi phương thức từ đào tạo theo năng lực của các cơ sở dạy nghề, sang đào tạo theo nhu cầu của người học và thị trường lao động.

Các cơ sở đào tạo nghề cần thực hiện tốt phương châm “*Đào tạo những gì xã hội cần chứ không phải những gì nhà trường có*”.

### **3.2.2.3. Nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ giới thiệu việc làm**

Thúc đẩy phát triển các yếu tố thị trường và kết nối liên thông với thị trường khu vực, trước mắt tạo điều kiện để phát triển thị trường lao động phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh. Chú ý xây dựng và cập nhật kịp thời các thông tin về giá cả thị trường, cung - cầu về lao động, hàng hóa, dịch vụ. Xây dựng mối liên hệ giữa các trung tâm giới thiệu việc làm nhằm huy động các nguồn lực, hạn chế sự cạnh tranh thiếu lành mạnh trong hoạt động dịch vụ việc làm.

### **3.2.3. Triển khai các chương mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm**

#### **3.2.3.1. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm**

Vốn có thể huy động từ nhiều nguồn: vốn từ ngân sách nhà nước; vốn vay của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để cho phụ nữ vay phát triển sản xuất, kinh doanh; vốn nhân rộng trong nhân dân thông qua các mô hình các cấp Hội phụ nữ phát động; vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức từ thiện với những biện pháp thích hợp...

Các tổ chức chính trị - xã hội cần làm tốt công tác tiếp nhận và quản lý có hiệu quả các nguồn vốn vay; tuyên truyền, chuyển giao khoa học – kỹ thuật, tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, định hướng thị trường với việc sử dụng vốn tín dụng, giúp người vay sử dụng vốn đúng mục đích, hạn chế rủi ro.

#### **3.2.3.2. Giải quyết việc làm thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia**

##### **a- Tạo việc làm cho lao động nữ qua Quỹ quốc gia giải quyết việc làm**

Xây dựng các dự án cơ hội để tranh thủ và phát huy hiệu quả Quỹ quốc gia giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn tỉnh để nguồn

vốn sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, tạo ra nhiều việc làm mới trong cộng đồng. Tạo cơ chế cho vay thông thoáng, ưu tiên cho các dự án lớn có sử dụng nhiều lao động, tạo ra nhiều việc làm mới hoặc ưu tiên cho các mô hình tổ hợp tác liên kết sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh, có giá trị kinh tế cao.

### **b- Tạo việc làm thông qua đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giới thiệu việc làm của tỉnh**

Với quan điểm: Học nghề, lập nghiệp là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nữ; phụ nữ chủ động tham gia học nghề để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, vì vậy cần có những chủ trương, chính sách để tăng cơ hội học nghề, tạo việc làm cho phụ nữ, đặc biệt phụ nữ khu vực nông thôn, phụ nữ ở độ tuổi trung niên, phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng di dời, giải tỏa.

### **c- Tạo việc làm cho lao động nữ thông qua xuất khẩu lao động**

Cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đào tạo người lao động xuất khẩu. Đồng thời có cơ chế cho người lao động vay vốn tín dụng từ các nguồn quốc gia giải quyết việc làm để đi xuất khẩu lao động.

## **3.2.4. Nhóm giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, bất lợi của lao động nữ trong quá trình làm việc và tự tạo việc làm**

### **3.2.4.1. Nâng cao nhận thức về thực hiện Luật bình đẳng giới và chiến lược Quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ**

Luật Bình đẳng giới được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua và Nghị quyết số 11-NQ/BCT về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là hai văn bản quan trọng thể hiện rõ những qua đi, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và sự chỉ đạo tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước về Bình đẳng giới và công tác phụ nữ hiện nay ở nước ta; cần được quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, phải được tuyên truyền rộng rãi và đưa vào chương trình

đào tạo, bồi dưỡng trong các trường, Học viện chính trị và cả các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

### ***3.2.4.2. Quan tâm nâng cao sức khỏe cho lao động nữ***

Phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền vận động để các nhà hoạch định chính sách, đặc biệt nam giới quan tâm đầu tư, có trách nhiệm trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, hỗ trợ tích cực hơn nữa trong việc bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

### ***3.2.4.3. Lòng ghép giới trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương***

- Cần phải lồng ghép giới trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cần phải quan tâm đến nội dung giới ngay từ khi thiết kế cũng như trong suốt quá trình thực hiện, giám sát, đánh giá chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới mạnh mẽ hơn nữa khuôn khổ pháp lý nói chung, đặc biệt là các chính sách có liên quan trực tiếp đến lao động - việc làm, đào tạo nghề, chống phân biệt đối xử với phụ nữ...

- Xem xét lại tuổi tuyển dụng và nghỉ hưu giữa nam và nữ để tạo sự bình đẳng hơn trong các cơ hội nghề nghiệp, cơ hội thăng tiến của phụ nữ, để phụ nữ có khả năng cạnh tranh bình đẳng với nam giới, phát huy tối đa nguồn lực cho sự phát triển của đất nước.

- Thúc đẩy giáo dục, cơ hội tiếp cận giáo dục góp phần giảm bất bình đẳng giới trong nhận thức xã hội nói chung.



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về tinh thần đấu tranh giải phóng phụ nữ, bảo vệ quyền và lợi ích cơ bản của phụ nữ. Người khẳng định: “Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”.

Bước vào thời kỳ mới, phụ nữ Quảng Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức lớn. Các nghị quyết của Đảng đã nhấn mạnh vai trò của phụ nữ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2020, trong đó có mục tiêu hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế. Bên cạnh thời cơ, phụ nữ vẫn còn đối mặt với những thách thức mang tính truyền thống lâu đời, đó là tư tưởng tự ty, an phận, cam chịu và thụ động. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội việc làm của lao động nữ.

Giải quyết việc làm nâng cao chất lượng lao động là một biện pháp quan trọng của phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc làm cho lao động nữ là những công việc mà pháp luật cho phép, mang lại thu nhập cho lao động nữ, giúp họ có khả năng độc lập về kinh tế và phát triển các mối quan hệ xã hội. Những công việc được thực hiện trong khu vực chính thức: các nhà máy, công sở, trường học, bệnh viện... các công việc tại khu vực phi chính thức: dịch vụ chăm sóc trẻ, nội trợ, sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ và vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nữ là vấn đề cấp bách hiện nay.

### 2. Kiến nghị

Trình độ chuyên môn của lao động nông thôn nói chung, lao động nữ nói riêng còn rất thấp, chủ yếu là lao động phổ thông. Vấn đề đặt ra, Nhà nước cần có sự điều chỉnh lại qui mô của các cấp đào tạo, triển khai thực

hiện có hiệu quả Đề án dạy nghề của tỉnh và phê duyệt tiêu đề án dạy nghề của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh theo Quyết định 1956/QĐ-TTg và Quyết định 295/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về dạy nghề cho phụ nữ. Việc nâng cao chất lượng của lao động nữ làm cơ sở chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp cần được quan tâm và giải quyết đồng bộ, chú trọng cả về kỹ thuật lẫn hiểu biết về sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường.

- Đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có chính sách khuyến khích, ưu tiên cho các doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân lao động, trong đó có lao động nữ, đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường mẫu giáo ở trong khu, cụm công nghiệp; khai thác tiềm năng đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ ở huyện nghèo, tổ chức đào tạo, sử dụng lực lượng tại chỗ nhằm giải quyết việc làm cho lao động nói chung, lao động nữ nói riêng.

- Đề nghị Chính Phủ khẩn trương xây dựng cổng thông tin về thị trường lao động nhằm kịp thời cung cấp thông tin về cung - cầu lao động, phục vụ cho công tác quản lý lao động và giúp các doanh nghiệp, người lao động nắm được nhu cầu tuyển dụng và nhu cầu tìm việc.

- Tổ chức các hội chợ việc làm trong khuôn khổ của chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm, trước hết tập trung ở hai thành phố và các phường có thị trường lao động phát triển.

- Thực hiện Luật hợp tác xã năm 2003, những năm qua các địa phương trong tỉnh đã chuyển đổi, thành lập mới một số hợp tác xã theo luật định. Trong thời gian đến các cấp, các ngành cần có cơ chế như cho vay vốn, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật... khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác theo hướng đa dạng về loại hình và loại hình hoạt động, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo mở nhiều ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nữ.